

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Transimex Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

- Mã chứng khoán: TOT

- Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: 028 3729 7373

- Email: tmstrans.info@transimex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: BCTC bán niên năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên, có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm ...):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn <https://transimextrans.com.vn/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

Nội dung giao dịch: Các giao dịch liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ logistics, sử dụng dịch vụ logistics; Các giao dịch liên quan đến việc chi hộ để thực hiện việc sử dụng và cung cấp dịch vụ logistics; mua tài sản cố định.

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 76,4%.

- Ngày hoàn thành giao dịch: các giao dịch được ký theo dạng Hợp đồng nguyên tắc.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 2024.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT





Phan Thất Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Transimex Logistics

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 2, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2024
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên độc lập	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Anh Tuấn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Thất Hưng.

Ông Trịnh Anh Tuấn được Ông Tôn Thất Hưng ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 13/UQ-TOT ngày 26 tháng 12 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12812243/67733675/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		96.553.312.938	85.595.307.561
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.765.324.599	17.826.535.575
111	1. Tiền		5.765.324.599	17.826.535.575
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		80.116.380.380	64.144.398.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	44.126.777.527	33.921.523.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.198.399.127	4.670.134.992
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	32.340.696.561	26.102.232.736
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(549.492.835)	(549.492.835)
140	III. Hàng tồn kho	7	437.758.487	428.170.684
141	1. Hàng tồn kho		437.758.487	428.170.684
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.233.849.472	3.196.203.191
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.823.508.582	3.196.203.191
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	331.691.664	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	13	78.649.226	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112.555.445.335	97.915.240.121
210	I. Phải thu dài hạn		850.534.420	850.534.420
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	850.534.420	850.534.420
220	II. Tài sản cố định		96.474.779.727	93.144.937.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	96.421.342.213	93.079.625.171
222	Nguyên giá		165.858.954.012	169.581.052.921
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.437.611.799)	(76.501.427.750)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	53.437.514	65.312.510
228	Nguyên giá		142.250.000	142.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.812.486)	(76.937.490)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.668.271.996	3.484.628.150
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	11.668.271.996	3.484.628.150
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.561.859.192	435.139.870
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.561.859.192	435.139.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		209.108.758.273	183.510.547.682

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		85.009.852.349	93.052.239.494
310	I. Nợ ngắn hạn		72.155.202.249	90.452.393.595
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	46.184.840.706	72.305.659.092
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		85.857.018	86.686.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.070.734.837	3.383.649.993
314	4. Phải trả người lao động		5.223.972	10.186.351
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.051.879.606	921.558.798
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	8.968.961.213	913.397.239
320	7. Vay ngắn hạn	16	11.787.704.897	10.060.215.636
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	-	2.771.040.486
330	II. Nợ dài hạn		12.854.650.100	2.599.845.899
338	1. Vay dài hạn	16	12.854.650.100	2.599.845.899
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.098.905.924	90.458.308.188
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	124.098.905.924	90.458.308.188
411	1. Vốn cổ phần		83.707.950.000	60.444.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		83.707.950.000	60.444.860.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.818.927.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.572.028.924	30.013.448.188
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		21.642.653.188	10.303.346.996
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.929.375.736	19.710.101.192
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		209.108.758.273	183.510.547.682

Phạm Đông Đức
 Người lập

Nguyễn Bảo Huy
 Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
 Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	19.1	124.956.518.020	112.345.788.535
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	(97.401.007.238)	(85.884.874.877)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		27.555.510.782	26.460.913.658
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	9.830.275	4.435.407
22	5. Chi phí tài chính	21	(614.847.167)	(1.228.274.317)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(594.782.031)	(1.210.869.662)
25	6. Chi phí bán hàng		(48.150.000)	(25.860.000)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(13.861.393.468)	(10.385.909.742)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.040.950.422	14.825.305.006
31	9. Thu nhập khác	23	2.105.652.806	50.000.000
32	10. Chi phí khác	23	(69.720.286)	(455.014.964)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	2.035.932.520	(405.014.964)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.076.882.942	14.420.290.042
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(3.147.507.206)	(2.884.058.008)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.929.375.736	11.536.232.034
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	1.415	1.492
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	1.415	1.492

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.076.882.942	14.420.290.042
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	10.141.560.779	7.280.584.263
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.108.509.561)	435.579.557
06	Chi phí lãi vay	21	594.782.031	1.210.869.662
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.704.716.191	23.347.323.524
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(16.664.069.658)	6.724.379.060
10	Tăng hàng tồn kho		(9.587.803)	(209.373.419)
11	Tăng các khoản phải trả		3.958.375.504	1.279.158.083
12	Tăng chi phí trả trước		(3.754.024.713)	(867.458.877)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.156.826.169)	(477.327.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(3.052.676.054)	(1.973.888.221)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.771.040.486)	(877.090.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		254.866.812	26.945.722.064
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(23.173.201.525)	(26.640.540.811)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		4.865.000.000	292.727.272
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		9.830.275	4.435.407
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(18.298.371.250)	(26.343.378.132)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	29.268.187.635	32.459.925.897
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(17.285.894.173)	(34.163.800.259)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		11.982.293.462	(1.703.874.362)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương thuần trong kỳ		(6.061.210.976)	(1.101.530.430)
60	Tiền đầu kỳ	4	17.826.535.575	6.766.050.251
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	11.765.324.599	5.664.519.821


Phạm Đông Đức
Người lập


Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 2, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 275 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 290).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 4 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định là các phương tiện vận tại đang hoàn thiện thủ tục pháp lý và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	247.375.768	453.529.986
Tiền gửi ngân hàng	5.517.948.831	17.373.005.589
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.765.324.599	17.826.535.575

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, có kỳ hạn gốc là một (1) tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ bên khác	24.069.843.968	23.355.759.550
Công ty TNHH Coats Phong Phú	12.879.789.274	11.661.023.843
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	1.604.222.199	1.299.462.024
Công ty TNHH Far Eastern Polytex Việt Nam	1.389.608.543	716.298.366
Các khách hàng khác	8.196.223.952	9.678.975.317
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	20.056.933.559	10.565.763.668
TỔNG CỘNG	44.126.777.527	33.921.523.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(549.492.835)	(549.492.835)
GIÁ TRỊ THUẦN	43.577.284.692	33.372.030.383

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	3.977.500.000	2.625.000.000
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	110.410.070	429.268.759
Công ty Cổ phần Vân Nam	-	1.273.876.129
Khách hàng khác	110.489.057	341.990.104
TỔNG CỘNG	4.198.399.127	4.670.134.992

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	32.340.696.561	26.102.232.736
Chi hộ	23.450.878.648	19.175.426.133
Tạm ứng cho nhân viên	8.487.146.799	6.553.150.143
Ký quỹ, ký cược	206.752.000	248.980.000
Khác	195.919.114	124.676.460
Dài hạn	850.534.420	850.534.420
Ký quỹ, ký cược	850.534.420	850.534.420
TỔNG CỘNG	33.191.230.981	26.952.767.156
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	17.824.778.898	15.466.972.009
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	15.366.452.083	11.485.795.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nguyên vật liệu	<u>437.758.487</u>	<u>428.170.684</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	3.823.508.582	3.196.203.191
Công cụ, dụng cụ	2.658.844.234	2.826.716.837
Phí bảo hiểm	1.161.788.458	265.201.744
Khác	2.875.890	104.284.610
Dài hạn	3.561.859.192	435.139.870
Chi phí cải tạo văn phòng	3.262.257.166	-
Công cụ, dụng cụ	297.818.685	404.365.280
Chi phí bảo trì	1.783.341	30.774.590
TỔNG CỘNG	<u>7.385.367.774</u>	<u>3.631.343.061</u>

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.400.700.384	1.023.400.000	159.620.952.537	536.000.000	169.581.052.921
Mua trong kỳ	-	-	15.877.353.169	-	15.877.353.169
Thanh lý	-	-	(19.599.452.078)	-	(19.599.452.078)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	8.400.700.384	1.023.400.000	155.898.853.628	536.000.000	165.858.954.012
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	350.000.000	340.000.000	19.597.295.888	266.000.000	20.553.295.888
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.155.070.028)	(554.733.303)	(74.413.124.419)	(378.500.000)	(76.501.427.750)
Khấu hao trong kỳ	(402.535.014)	(103.891.675)	(9.578.259.094)	(45.000.000)	(10.129.685.783)
Thanh lý	-	-	17.193.501.734	-	17.193.501.734
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(1.557.605.042)	(658.624.978)	(66.797.881.779)	(423.500.000)	(69.437.611.799)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.245.630.356	468.666.697	85.207.828.118	157.500.000	93.079.625.171
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	6.843.095.342	364.775.022	89.100.971.849	112.500.000	96.421.342.213
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	-	-	21.362.475.550	-	21.362.475.550

(*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	142.250.000
và vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>142.250.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	47.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(76.937.490)
Hao mòn trong kỳ	(11.874.996)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(88.812.486)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	65.312.510
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>53.437.514</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phương tiện vận tải	11.668.271.996	2.173.348.150
Chi phí cải tạo văn phòng	-	1.311.280.000
TỔNG CỘNG	<u>11.668.271.996</u>	<u>3.484.628.150</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	34.972.320.831	61.018.005.707
Phải trả các bên bên khác	11.212.519.875	11.287.653.385
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại</i>		
<i>Xuất nhập khẩu Thủ Đức – Cửa Hàng</i>		
<i>Xăng Dầu Phú Hữu</i>	2.541.673.151	1.088.016.830
<i>Công ty TNHH Đại Phát Tín</i>	966.419.361	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và</i>		
<i>Dịch vụ kho bãi Phú Tài</i>	923.746.955	-
<i>Công ty TNHH Liên Sơn Logistics</i>	889.866.000	1.122.184.800
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại</i>	-	1.279.030.330
<i>Xăng dầu An Thịnh Phát</i>	-	1.239.840.000
<i>Công ty TNHH Song Toàn</i>	5.890.814.408	6.558.581.425
<i>Khác</i>	<u>5.890.814.408</u>	<u>6.558.581.425</u>
TỔNG CỘNG	<u>46.184.840.706</u>	<u>72.305.659.092</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.649.226	-	78.649.226
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	331.691.664	-	331.691.664
TỔNG CỘNG	-	410.340.890	-	410.340.890
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.975.903.685	3.147.507.206	(3.052.676.054)	3.070.734.837
Thuế giá trị gia tăng	226.167.600	9.771.275.960	(9.997.443.560)	-
Thuế thu nhập cá nhân	181.578.708	333.148.899	(514.727.607)	-
Khác	-	30.743.064	(30.743.064)	-
TỔNG CỘNG	3.383.649.993	13.282.675.129	(13.595.590.285)	3.070.734.837

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thưởng năng suất	1.495.838.290	-
Chi phí thực hiện dịch vụ	400.670.825	824.433.255
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	100.000.000	40.000.000
Khác	55.370.491	57.125.543
TỔNG CỘNG	2.051.879.606	921.558.798

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cổ tức	8.299.282.700	-
Quỹ hỗ trợ nhân viên	501.698.105	717.398.105
Kinh phí công đoàn	122.550.000	127.500.000
Khác	45.430.408	68.499.134
TỔNG CỘNG	8.968.961.213	913.397.239

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay ngắn hạn	10.060.215.636	11.787.704.897
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	8.868.222.192	7.822.044.785
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	1.191.993.444	3.965.660.112
Vay dài hạn	2.599.845.899	12.854.650.100
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	2.599.845.899	12.854.650.100
TỔNG CỘNG	12.660.061.535	24.642.354.997

16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng cho mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	7.822.044.785	4,0 - 4,6	3 Tháng	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 9 năm 2024	Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Transimex

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn nhằm thanh toán tiền mua tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam					
Khoản vay 1	6.960.000.000	7,0	60	Từ ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến ngày 11 tháng 6 năm 2029	Các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con trình bày tại <i>Thuyết minh số 9</i> .
Khoản vay 2	4.633.449.072	8,6	60	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2029	
Khoản vay 3	2.031.018.519	8,6	60	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 7 tháng 5 năm 2029	
Khoản vay 4	1.500.000.000	7,5	48	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	
Khoản vay 5	902.400.000	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 13 tháng 4 năm 2028	
Khoản vay 6	793.442.621	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 15 tháng 2 năm 2028	
TỔNG CỘNG	16.820.310.212				
Trong đó					
Vay dài hạn đến hạn trả	3.965.660.112				
Vay dài hạn	12.854.650.100				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	2.771.040.486	425.591.779
Tăng trong kỳ	-	1.268.985.524
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(2.771.040.486)</u>	<u>(877.090.400)</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>817.486.903</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	54.950.000.000	-	15.798.206.996	70.748.206.996
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.536.232.034	11.536.232.034
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	<u>(1.268.985.524)</u>	<u>(1.268.985.524)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>54.950.000.000</u>	<u>-</u>	<u>26.065.453.506</u>	<u>81.015.453.506</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	60.444.860.000	-	30.013.448.188	90.458.308.188
Tăng vốn(*)	23.263.090.000	6.818.927.000	-	30.082.017.000
Cổ tức đã công bố (**)	-	-	<u>(8.370.795.000)</u>	<u>(8.370.795.000)</u>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	<u>11.929.375.736</u>	<u>11.929.375.736</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>83.707.950.000</u>	<u>6.818.927.000</u>	<u>33.572.028.924</u>	<u>124.098.905.924</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 04/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOG ngày 25 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQHĐQT-TOT/2023 ngày 22 tháng 9 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQHĐQT-TOT/2023 ngày 22 tháng 9 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 9 tháng 1 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 1 tháng 3 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 2.326.309 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Transimex để hoán đổi nợ với tổng giá trị là 30.242.017.000 VND và tăng vốn cổ phần của Công ty từ 60.444.860.000 VND lên thành 83.707.950.000. Việc thay đổi vốn cổ phần này cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 22 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOGS ngày 10 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2024/NQ.HĐQT-TMS LOG ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2024/NQ.HĐQT-TMS LOG ngày 13 tháng 6 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% trong đó bao gồm 10% cổ tức bằng tiền và 10% cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết của việc chi trả cổ tức này.

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	60.444.860.000	54.950.000.000
Tăng trong kỳ	23.263.090.000	-
Số cuối kỳ	<u>83.707.950.000</u>	<u>54.950.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố bằng tiền trong kỳ	8.370.795.000	-
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu trong kỳ	8.370.795.000	5.495.000.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	-	-

18.3 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	8.370.795	6.044.486
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.370.795	6.044.486
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.370.795	6.044.486

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: VND 10.000). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	11.929.375.736	11.536.232.034
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.268.985.524)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.929.375.736	10.267.246.510
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	8.432.438	6.881.565
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản (VND/cổ phiếu)	1.415	1.492
Lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.415	1.492

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOGS ngày 10 tháng 4 năm 2024 (Thuyết minh số 18.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	113.863.798.713	108.401.237.623
Doanh thu dịch vụ khác	11.092.719.307	3.944.550.912
DOANH THU THUẦN	<u>124.956.518.020</u>	<u>112.345.788.535</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	66.254.526.671	83.557.294.415
<i>Các bên khác</i>	58.701.991.349	28.788.494.120

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Lãi tiền gửi	<u>9.830.275</u>	<u>4.435.407</u>

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>97.401.007.238</u>	<u>85.884.874.877</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Lãi tiền vay	594.782.031	1.210.869.662
Chi phí khác	20.065.136	17.404.655
TỔNG CỘNG	<u>614.847.167</u>	<u>1.228.274.317</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí nhân viên	5.828.901.974	4.823.040.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.809.183.574	3.365.676.591
Chi phí khấu hao và hao mòn	414.410.010	382.515.164
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	100.000.000	40.000.000
Khác	2.708.897.910	1.774.677.041
TỔNG CỘNG	<u>13.861.393.468</u>	<u>10.385.909.742</u>

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Thu nhập khác	2.105.652.806	50.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.098.679.286	-
Thu nhập khác	6.973.520	50.000.000
Chi phí khác	(69.720.286)	(455.014.964)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(440.014.964)
Chi phí khác	(69.720.286)	(15.000.000)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	<u>2.035.932.520</u>	<u>(405.014.964)</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.252.859.418	38.979.416.849
Chi phí nhiên vật liệu	28.302.051.408	24.705.348.832
Chi phí nhân viên	26.757.031.191	23.490.757.634
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	10.141.560.779	7.280.584.263
Khác	2.857.047.910	1.840.537.041
TỔNG CỘNG	<u>111.310.550.706</u>	<u>96.296.644.619</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.122.858.681	2.884.058.008
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	24.648.525	-
Chi phí thuế TNDN	<u>3.147.507.206</u>	<u>2.884.058.008</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>15.076.882.942</u>	<u>14.420.290.042</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.015.376.588	2.884.058.008
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	107.482.093	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	24.648.525	-
Chi phí thuế TNDN	<u>3.147.507.206</u>	<u>2.884.058.008</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Công ty liên quan của Trường BKS
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 9 tháng 1 năm 2024
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên độc lập HĐQT đến ngày 9 tháng 1 năm 2024
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên BKS
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS đến ngày 16 tháng 6 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	56.957.583.900	76.203.140.769
	Chi hộ	31.708.099.596	51.584.030.678
	Phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ	30.242.024.000	-
	Sử dụng dịch vụ	5.962.611.287	662.744.155
	Trả vay	-	21.000.000.000
	Thuê bãi	-	3.486.442.083
	Lãi vay	-	602.589.040
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	1.376.546.802	1.063.868.600
	Chi hộ	128.397.290	194.211.315
	Sử dụng dịch vụ	92.089.084	154.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	10.599.895.834	3.058.260.201
	Cung cấp dịch vụ	3.294.207.700	2.066.193.079
	Chi hộ	55.618.697	140.996.400
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	-	376.558.590
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	2.266.257.971	3.343.735.025
	Chi hộ	791.917.995	351.964.701
	Sử dụng dịch vụ	82.736.108	6.249.998
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Cung cấp dịch vụ	792.070.020	-
	Sử dụng dịch vụ	257.780.542	-
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ	675.246.500	219.095.000
	Chi hộ	104.405.000	68.527.500
Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Cung cấp dịch vụ	892.613.778	661.261.942
	Chi hộ	3.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	18.261.756.312	8.915.144.111
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Cung cấp dịch vụ	636.470.892	651.256.416
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	421.664.706	326.632.282
Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Cung cấp dịch vụ	344.492.680	349.789.279
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Cung cấp dịch vụ	161.308.163	213.108.840
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	156.686.246	35.018.980
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ	74.554.560	74.813.760
		20.056.933.559	10.565.763.668
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Chi hộ	17.472.020.213	15.201.047.108
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Chi hộ	267.274.206	225.136.026
Công ty Cổ phần Vinafreight	Chi hộ	71.487.080	24.797.135
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Chi hộ	11.647.399	-
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Chi hộ	1.650.000	15.991.740
Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Chi hộ	700.000	-
		17.824.778.898	15.466.972.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua nguyên giá tài sản cố định	15.962.751.780	46.204.775.780
	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ từ mua tài sản cố định	3.696.382.062	3.696.382.062
	Sử dụng dịch vụ	5.544.162.422	5.610.081.091
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	9.599.220.879	5.360.850.134
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Sử dụng dịch vụ	121.203.688	145.916.640
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Sử dụng dịch vụ	48.600.000	-
		34.972.320.831	61.018.005.707

Chi phí phải trả ngắn hạn

Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	-	551.265.950
---------------------------	-----------------	---	-------------

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và tiền lương của Giám đốc trong kỳ như sau:

Chức vụ	VND		
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	387.469.706	452.531.332
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	301.748.842	334.822.238
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch HĐQT	100.000.002	90.000.000
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	66.666.666	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 9 tháng 1 năm 2024	66.666.667	-
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS	66.666.666	60.000.000
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	46.666.668	42.000.000
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên BKS	46.666.668	-
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên độc lập HĐQT đến ngày 9 tháng 1 năm 2024	-	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS đến ngày 16 tháng 6 năm 2023	-	42.000.000
TỔNG CỘNG		1.082.551.885	1.141.353.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	6.280.263.062	6.604.646.462
Trên 1 – 5 năm	14.104.778.129	15.349.508.942
Trên 5 năm	54.120.821.538	55.839.542.446
TỔNG CỘNG	74.505.862.729	77.793.697.850



28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại trừ sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 18.1, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.





Phạm Đông Đức Nguyễn Bảo Huy Trịnh Anh Tuấn
 Người lập Kế toán trưởng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn